

**ỦY BAN DÂN TỘC**

Số: **447/QĐ-UBNDT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 19 tháng 9 năm 2013*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công nhận thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III  
thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012-2015**

**BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC**

Căn cứ Nghị định số 84/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Quyết định số 30/2012/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012-2015;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng tư vấn xét duyệt thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012-2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012-2015 áp dụng thống nhất trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi làm căn cứ để xây dựng, thực hiện các chính sách đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với điều kiện và trình độ phát triển của từng vùng, từng khu vực.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế các Quyết định: số 301/QĐ-UBNDT ngày 27/11/2006; số 05/2007/QĐ-UBNDT ngày 6/9/2007; số 274/QĐ-UBNDT ngày 16/9/2011 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc công nhận 3 khu vực vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển; số 126/QĐ-UBNDT ngày 07/6/2012 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc công nhận bổ sung xã khu vực I, II, III thuộc 3 khu vực vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển.

**Điều 4.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- Công báo; Website Chính phủ;
- Các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc;
- Website UBNDT;
- Lưu: VT, VP135 (30b).

**BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM**



**Giàng Seo Phử**





## TỈNH SÓC TRĂNG

### DANH SÁCH XÃ THUỘC BA KHU VỰC VÙNG DÂN TỘC VÀ MIỀN NÚI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2013  
của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

TT	Tên huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh	Tên xã, phường, thị trấn	Thuộc khu vực	Số thôn đặc biệt khó khăn
		Xã KV I	24	0
		Xã KV II	30	72
		Xã KV III	44	168
		TOÀN TỈNH	98	240
<b>I</b>	<b>THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG</b>			
1		Phường 1	I	0
2		Phường 10	I	0
3		Phường 2	I	0
4		Phường 3	I	0
5		Phường 4	I	0
6		Phường 5	I	0
7		Phường 6	I	0
8		Phường 7	I	0
9		Phường 8	I	0
10		Phường 9	I	0
<b>II</b>	<b>HUYỆN CHÂU THÀNH</b>			
1		Thị trấn Châu Thành	II	1
2		Xã An Hiệp	III	3
3		Xã An Ninh	III	5
4		Xã Hồ Đắc Kiên	III	4
5		Xã Phú Tâm	III	4
6		Xã Phú Tân	III	3
7		Xã Thiện Mỹ	III	3
8		Xã Thuận Hòa	III	2
<b>III</b>	<b>HUYỆN LONG PHÚ</b>			
1		Xã Châu Khánh	II	1
2		Xã Hậu Thạnh	II	2
3		Xã Phú Hữu	II	1
4		Xã Tân Thạnh	II	1
5		Thị trấn Đại Ngãi	II	1
6		Thị trấn Long Phú	II	3
7		Xã Long Phú	III	7
8		Xã Tân Hưng	III	3
9		Xã Trường Khánh	III	3
<b>IV</b>	<b>HUYỆN TRẦN ĐỀ</b>			
1		Thị trấn Trần Đề	I	0
2		Thị trấn Lịch Hội Thượng	I	0
3		Xã Viên Bình	I	0
4		Xã Liêu Tú	III	2

14

TT	Tên huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh	Tên xã, phường, thị trấn	Thuộc khu vực	Số thôn đặc biệt khó khăn
5		Xã Tài Văn	III	3
6		Xã Thạnh Thới An	III	4
7		Xã Thạnh Thới Thuận	III	4
8		Xã Viên An	III	2
<b>V</b>	<b>THỊ XÃ VINH CHÂU</b>			
1		Phường 1	I	0
2		Xã Hòa Đông	II	2
3		Xã Lai Hòa	II	1
4		Phường 2	II	9
5		Phường Khánh Hòa	II	7
6		Phường Vĩnh Phước	II	6
7		Xã Lạc Hòa	III	9
8		Xã Vĩnh Hiệp	III	5
9		Xã Vĩnh Tân	III	4
<b>VI</b>	<b>HUYỆN MỸ TÚ</b>			
1		Thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	I	0
2		Xã Hưng Phú	II	3
3		Xã Long Hưng	II	3
4		Xã Mỹ Hương	II	2
5		Xã Mỹ Phước	III	5
6		Xã Mỹ Thuận	III	6
7		Xã Mỹ Tú	III	3
8		Xã Phú Mỹ	III	4
9		Xã Thuận Hưng	III	4
<b>VII</b>	<b>HUYỆN THẠNH TRỊ</b>			
1		Xã Thạnh Trị	I	0
2		Xã Vĩnh Lợi	I	0
3		Xã Vĩnh Thành	I	0
4		Xã Lâm Tân	II	2
5		Thị trấn Hưng Lợi	II	3
6		Thị trấn Phú Lộc	II	1
7		Xã Châu Hưng	III	4
8		Xã Lâm Kiệt	III	3
9		Xã Thạnh Tân	III	3
10		Xã Tuấn Tứ	III	2
<b>VIII</b>	<b>HUYỆN NGÃ NĂM</b>			
1		Xã Long Tân	II	5
2		Xã Mỹ Quới	II	2
3		Thị trấn Ngã Năm	II	2
4		Xã Long Bình	III	3
5		Xã Mỹ Bình	III	3
6		Xã Tân Long	III	3
7		Xã Vĩnh Biên	III	4
8		Xã Vĩnh Quới	III	5
<b>IX</b>	<b>HUYỆN MỸ XUYÊN</b>			

